TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HS-ST
Ngày: 22/9/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân.

1/ Ông Hoàng Vân;

2/ Ông Nguyễn Trung Trực;

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/9/2025 và ngày 22/9/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HS ngày 03/9/2025 đối với bị cáo:

Trần Văn H; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1993, tại: Bình Thuận, nay là tỉnh Lâm Đồng; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Tiền án, tiền sự: không có; Cha: Trần Văn D - 1962; Mẹ: Đào Thị H1 - 1966. Gia đình bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1994, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ, con: chưa có;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bị hại:

Nguyễn Thị Phương H2 – sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Văn M – sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

- **Người làm chứng:**

1/ Ông Võ Văn V – sinh năm: 1980. (vắng mặt)

2/ Bà Võ Hồng Ngọc T – sinh năm: 2007. (vắng mặt)

3/ Bé Võ Tuệ L – sinh năm: 2010. Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Phương H2 – sinh năm: 1982. (có mặt)

Cùng trú: thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đối với hành vi của bị cáo được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/01/2025, bà Nguyễn Thị Phương H2 (sinh năm 1982, trú thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng) có thỏa thuận mua trái thanh long của ông Trần Văn M (sinh năm 1986, trú cùng thôn). Bà H2 đặt cọc cho ông M số tiền 5.000.000 đồng và hẹn ngày 23/01/2025 sẽ cho người đến cắt trái. Đến sáng ngày 23/01/2025, bà H2 hẹn với ông M sẽ cắt trái trước và đưa tiền sau thì ông M không đồng ý và yêu cầu bà H2 phải giao tiền ngay sau khi cắt. Bà H2 và ông M không thỏa thuận được nên bà H2 bỏ số tiền cọc và không mua trái thanh long của ông M nữa. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, ông M đến nhà bà H2 để yêu cầu bà H2 cắt trái thanh long theo thỏa thuận trước đó nhưng bà H2 vẫn không đồng ý. Lúc này, Trần Văn H (là em ruột của ông M) sau khi nhậu xong, biết được sự việc thì đến nhà bà H2 để cùng nói chuyện việc cắt thanh long. Tại đây, giữa H2 và H xảy ra tranh cãi, H hỏi bà H2: "Tao hỏi mày lần cuối, mày có cắt không", bà H2 trả lời không cắt thì ngay lập tức H xông đến dùng tay phải đấm một 01 cái vào trán của bà H2 làm bà H2 bị vết thương rách da, chảy máu. Ngày 12/02/2025, Nguyễn Thị Phương H2 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. (Bút lục số 23-27; 29-35; 44-72; 77-86)

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 276/KLTTCT-TTGDDYKPYBT ngày 24/4/2025 của Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y Sở Y tế tỉnh B kết luận về các thương tích của Nguyễn Thị Phương H2 như sau:

Sẹo vết thương phần mềm vùng trán phải kích thước nhỏ (2,5x0,2)cm, do vật tày tác động theo chiều hướng từ trước ra sau với lực tác động nhẹ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3% (Ba phần trăm). (Bút lục số 37-38)

Về dân sự: Bà H2 có đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại, chỉ yêu cầu xử lý hành vi gây ra thương tích cho bà.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSKV11-HS ngày 18/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Trần Văn H về tội: "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H, phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng: điểm i khoản 1 Điều 134, điểm i, s, b khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Trần Văn H từ 03 (Ba) tháng tù đến 06 (Sáu) tháng tù.

Về phần dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại bà H2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về dân sự. Tại phiên tòa bị hại có đơn yêu cầu bồi thường các khoảng chi phí gồm có: Chi phí tổn thất tinh thần 29.000.000 đồng; Chi phí thẩm mỹ vết sẹo trên trán: 25.000.000 đồng; Chi phí chụp CT-SANNER 2 lần 3.800.000 đồng; Tiền thuốc 2.000.000 đồng; Chi phí đi lại: 3.000.000 đồng; Chi phí tiêm ngừa: 1.000.000 đồng; Chi phí chụp CT khám xoang não: 1.100.000 đồng. Tổng cộng tất cả các chi phí yêu cầu là: 64.900.000 đồng.

Bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên cho người bị hại.

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày cảm thấy hối hận về hành vi đã thực hiện. Bị cáo không có ý kiến, tranh luận gì thêm; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh B; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện

đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy trình của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

1.2. Về xét xử vắng mặt: Tại phiên toà vắng mặt người làm chứng trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy trong hồ sơ vụ án đã thu thập lời khai của người này, sự vắng mặt của người này không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người này.

[2] Về cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Trần Văn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự bị cáo hiểu rõ việc xâm hại đến sức khỏe của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Thế nhưng, vào ngày 23/01/2025, tại thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng, chỉ vì bênh vực cho anh trai của mình mà Trần Văn H đã dùng tay đấm vào trán gây thương tích cho Nguyễn Thị Phương H2 với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 03%.

Hành vi của Trần Văn H là cố ý. Thương tích của bị hại Nguyễn Thị Phương H2 là dưới 11%, tuy nhiên trước đó giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo lại sẵn sàng dùng vũ lực gây thương tích cho bị hại, thể hiện tính côn đồ, hung hăng và xem thường pháp luật. Do đó, hành vi của Trần Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" với tình tiết tịnh khung là "có tính chất côn đồ" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn H đã có hành vi xâm phạm sức khỏe người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý một cách nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Hành vi của bị cáo Trần Văn H là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý một cách nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung. Do đó, phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cần xem xét các yếu tố nhân thân, tiền án, tiền sự; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để quyết định hình phạt phù hợp với các quy định của pháp luật:

Trong suốt quá trình diễn biến phiên tòa, HĐXX nhận thấy bị cáo Trần Văn H đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại do bị cáo gây ra - HĐXX xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho bị cáo.

[5] Quyết định hình phạt: Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, cần xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố nhân thân khác và tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để có mức hình phạt thích hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đưa ra mức hình phạt phù hợp với bị cáo đủ để trừng trị, giáo dục, cải tạo bị cáo và tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; do đó, HĐXX thấy cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố đối với bị cáo. HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội, đồng thời răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội, góp phần lập lại tình hình trật tự trị an ở địa phương.

[6] Về dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại bà H2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về dân sự. Tại phiên tòa bị hại có đơn yêu cầu bồi thường các khoảng chi phí gồm có: Chi phí tổn thất tinh thần 29.000.000 đồng; Chi phí thẩm mỹ vết sẹo trên trán: 25.000.000 đồng; Chi phí chụp CT-SANNER 2 lần 3.800.000 đồng; Tiền thuốc 2.000.000 đồng; Chi phí đi lại: 3.000.000 đồng; Chi phí tiêm ngừa: 1.000.000 đồng; Chi phí chụp CT khám xoang não: 1.100.000 đồng. Tổng cộng tất cả các chi phí yêu cầu là: 64.900.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên cho người bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên không bị ai ép buộc, không trái với các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Nên chấp nhận. Buộc bị cáo Trần Văn H phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị Phương H2 số tiền 64.900.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng theo biên lai thu tiền ngày 15/9/2025 và ngày 22/9/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 để đảm bảo thi hình án.

[7] ***Về án phí***: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H; phạm tội "Cố ý gây thương tích"

1.1. **Căn cứ**: điểm i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2. Về dân sự: Căn cứ: Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Văn H có trách nhiệm bồi thường tất cả các khoảng chi phí cho bị hại Nguyễn Thị Phương H2 với tổng số tiền 64.900.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng theo biên lai thu tiền ngày 15/9/2025 và ngày 22/9/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 để đảm bảo thi hình án.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.245.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2025).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Như Điều 262 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành